

Số: **369** /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày **07** tháng **4** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cơ quan Thống kê ở Trung ương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HTh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, Cục TTDL (5b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương



QUY CHẾ

Phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê

(Kèm theo Quyết định số 369/QĐ-TCTK ngày 07 tháng 4 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL), các đơn vị khác thuộc cơ quan Thống kê ở Trung ương (viết gọn là Đơn vị) và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là Cục Thống kê).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin thống kê* là dữ liệu thống kê được xử lý, tổng hợp và phân tích theo phương pháp, quy trình, chuyên môn, nghiệp vụ thống kê để phản ánh đặc trưng, thuộc tính của hiện tượng nghiên cứu. Thông tin thống kê gồm số liệu thống kê và bản phân tích số liệu đó.

2. *Thông tin thống kê nhà nước* là thông tin thống kê do hoạt động thống kê nhà nước tạo ra, có giá trị pháp lý, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

3. *Dữ liệu thống kê* gồm dữ liệu định lượng và dữ liệu định tính để hình thành thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu.

4. *Dữ liệu hành chính* là dữ liệu của cơ quan nhà nước được ghi chép, lưu giữ, cập nhật trong các hồ sơ hành chính dạng giấy hoặc dạng điện tử.

5. *Điều tra thống kê* là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi lần điều tra.

6. *Chế độ báo cáo thống kê* là những quy định và hướng dẫn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện một tập hợp những báo cáo thống kê có liên quan với nhau để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc một hệ thống chỉ tiêu thống kê và tổng hợp thông tin thống kê khác phục vụ quản lý nhà nước.

7. *Cơ sở dữ liệu thống kê* là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để quản lý, cập nhật và khai thác phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.

8. *Hoạt động thống kê* là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập; chuẩn bị thu thập; thu thập; xử lý và tổng hợp; phân tích và dự báo; công bố, phổ biến và lưu trữ thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

9. *Quy trình sản xuất thông tin thống kê* gồm các bước đảm bảo thực hiện thiết kế, thu thập, xử lý, tổng hợp, báo cáo lưu trữ số liệu, thông tin có liên quan theo đúng quy định.

10. *Tư liệu hóa công tác thống kê* gồm tư liệu hóa hoạt động chuyên môn thống kê theo quy trình sản xuất thông tin thống kê và hoạt động quản lý, điều hành. Ghi chép, ghi nhận và lưu trữ toàn bộ các hoạt động chuyên môn; quản lý, điều hành để tạo lập hồ sơ công việc phục vụ tư liệu hóa công tác thống kê. Tập trung biên tập, chuẩn hoá, phân loại tài liệu và xây dựng hệ thống quản lý tài liệu được tư liệu hoá.

Điều 4. Nguyên tắc, mục đích phối hợp

1. Thực hiện nhiệm vụ tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản pháp luật về thống kê; chương trình, kế hoạch công tác và quy chế làm việc của Tổng cục Thống kê.

2. Các đơn vị chủ trì, phối hợp giải quyết công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

3. Bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch; tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác thống kê theo quy định của pháp luật.

5. Quy chế này nhằm mục đích thống nhất phân công rõ trách nhiệm của các đơn vị chủ trì, phối hợp trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê; để các đơn vị chủ động, đẩy nhanh tiến độ giải quyết công việc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Xác định nhu cầu thông tin
2. Chuẩn bị thu thập thông tin
3. Thu thập thông tin
4. Xử lý thông tin
5. Phân tích và dự báo
6. Phổ biến thông tin thống kê
7. Tư liệu hóa
8. Đánh giá chất lượng

Điều 6. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung phối hợp thông qua các hình thức làm việc trực tiếp, công văn, thư điện tử và các hình thức phối hợp khác.

2. Tổ chức cuộc họp, hội thảo, tập huấn, tổ chức đoàn công tác về các vấn đề liên quan đến nội dung phối hợp trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Xác định nhu cầu thông tin

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Xây dựng biểu mẫu thu thập nhu cầu thông tin và chuẩn bị hệ thống công nghệ thông tin (viết gọn là Hệ thống CNTT) phục vụ đăng ký, tổng hợp, quản lý nhu cầu thông tin thống kê hằng năm từ các đơn vị.

- Rà soát các biểu tổng hợp kết quả đăng ký nhu cầu thông tin; các chỉ tiêu thống kê; giải thích về đề xuất nhu cầu thông tin thống kê.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá nhu cầu thông tin dựa trên hiện trạng sẵn có của dữ liệu và nguồn lực hiện có để xác định: thông tin thống kê cần thu thập trong năm tiếp theo; đối tượng, đơn vị, phạm vi thu thập thông tin.

- Trao đổi, thống nhất với các Đơn vị về những nội dung thông tin thống kê cần thu thập.

- Dự thảo Kế hoạch điều tra thống kê năm tiếp theo (viết gọn là Kế hoạch điều tra) trình Tổng cục trưởng phê duyệt trước ngày 30/6 năm công tác.

2. Các Đơn vị

- Xác định nhu cầu thông tin chuyên ngành từ bộ, ngành, các cơ quan cấp trung ương và các đối tượng sử dụng thông tin khác để nghiên cứu, phục vụ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; các hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành, lĩnh vực khác và lồng ghép nhu cầu thông tin thống kê khi triển khai thực hiện điều tra thống kê.

- Tổng hợp nhu cầu thông tin chuyên ngành của Cục Thống kê.

- Xác định nhu cầu thông tin thống kê chuyên ngành trong năm tiếp theo (căn cứ hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành, lĩnh vực khác).

- Đề xuất và gửi nhu cầu thông tin thống kê chuyên ngành cần thu thập trong năm sau, bao gồm mẫu biểu tổng hợp chỉ tiêu đầu ra và nhu cầu thông tin thống kê của Đơn vị, bộ ngành, Cục Thống kê và các đối tượng sử dụng thông tin khác (nếu có) đến Cục TTDL trước ngày 31/01 năm công tác.

- Làm rõ các nhu cầu thông tin thống kê cần thu thập (khi được yêu cầu).

- Phối hợp với Cục TTDL rà soát và thống nhất các chỉ tiêu thống kê đầu ra.

3. Cục Thống kê

- Rà soát nhu cầu thông tin, xác định nhu cầu thông tin thống kê trong năm tiếp theo.

- Đề xuất nhu cầu thông tin thống kê theo mẫu do Cục TTDL thiết kế gửi đến Vụ Thống kê chuyên ngành trước ngày 15/01 năm công tác.

- Làm rõ nhu cầu thông tin thống kê cần thu thập khi có yêu cầu của các Vụ Thống kê chuyên ngành.

Điều 8. Chuẩn bị thu thập thông tin

1. Điều tra thống kê

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Thiết kế các cuộc điều tra thống kê theo Kế hoạch điều tra đã được phê duyệt; thực hiện các công việc chuẩn bị thu thập thông tin, bao gồm: thiết kế điều tra (xác định phương pháp, hình thức thu thập thông tin, xây dựng phiếu hỏi); thiết kế mẫu (xây dựng dàn mẫu và dàn mẫu chủ nếu có); lựa chọn dàn mẫu, phương pháp chọn mẫu; tổng hợp, rà soát mẫu biểu, quy định tổng hợp dữ liệu, phương pháp tính các chỉ tiêu trong biểu do các Đơn vị đề xuất và thiết kế biểu đầu ra dựa trên nhu cầu biểu đầu ra của các Đơn vị.

- Hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành Phương án điều tra thống kê.

- Tổ chức điều tra thí điểm (nếu có).

- Thực hiện chọn mẫu và tính quyền số.

- Kiểm tra kết quả rà soát mẫu, bổ sung mẫu/thay thế mẫu.

- Xây dựng Hệ thống CNTT phục vụ thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát, xử lý và tổng hợp; hướng dẫn các Đơn vị và Cục Thống kê sử dụng Hệ thống CNTT trong việc gửi, tổng hợp và xử lý thông tin.

- Kiểm thử các phần mềm điều tra và phần mềm quản lý điều tra.

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn điều tra và sử dụng các phần mềm.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin cấp trung ương.

- Phối hợp xây dựng các nội dung nghiệp vụ phục vụ tuyên truyền, biên soạn các tài liệu tuyên truyền.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cấp trung ương.

- Lập dự toán kinh phí điều tra với các nội dung công việc của Cục TTDL và Cục Thống kê gửi Vụ Kế hoạch tài chính rà soát, thẩm định, tổng hợp.

b) Các Đơn vị

- Gửi Cục TTDL quy định tổng hợp dữ liệu và phương pháp tính các chỉ tiêu trong các mẫu biểu đã đề xuất tại khoản 2 Điều 7.

- Phối hợp với Cục TTDL: Hoàn thiện dự thảo các biểu đầu ra dựa trên các chỉ tiêu thống nhất thu thập; các biểu đầu ra theo từng chuyên đề; các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; phương án điều tra thống kê; tổ chức điều tra thí điểm (nếu có); thiết kế các cuộc điều tra theo Kế hoạch điều tra đã được phê duyệt; thực hiện chọn mẫu và tính quyền số; thực hiện rà soát mẫu và đề xuất bổ sung/thay thế mẫu;

xây dựng các phần mềm, kiểm thử các phần mềm ứng dụng; biên soạn các tài liệu hướng dẫn điều tra và sử dụng các phần mềm.

- Lập dự toán kinh phí điều tra với các nội dung công việc của Đơn vị phụ trách gửi Văn phòng Tổng cục rà soát, tổng hợp để gửi Vụ Kế hoạch tài chính rà soát, thẩm định, tổng hợp.

- Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thông tin thống kê: Tham gia ý kiến phương án điều tra thống kê trước khi trình Tổng cục trưởng ký quyết định ban hành.

- Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Xây dựng kế hoạch, nội dung, biên soạn tài liệu tuyên truyền các cuộc điều tra thống kê.

c) Cục Thống kê

- Phối hợp với các Đơn vị xây dựng, đề xuất biểu kết quả đầu ra và biểu trung gian.

- Phối hợp với Cục TTDL tổ chức điều tra thí điểm (nếu có); kiểm thử các phần mềm ứng dụng; chọn mẫu.

- Thực hiện rà soát mẫu và đề xuất mẫu bổ sung/thay thế.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện điều tra thống kê tại địa phương, bao gồm kế hoạch kiểm tra, giám sát và gửi kế hoạch chi tiết tới Cục TTDL để tổng hợp và chỉ đạo thực hiện.

- Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra, bao gồm: Điều tra viên, đội trưởng, giám sát viên, người hiệu đính số liệu.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Chế độ báo cáo thống kê

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Xây dựng chế độ báo cáo thống kê trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định; Đầu mối làm việc với các Đơn vị, Bộ, ngành và Cục Thống kê để thống nhất biểu mẫu báo cáo thống kê thuộc chế độ báo cáo thống kê.

- Xây dựng và hướng dẫn sử dụng Hệ thống CNTT phục vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

b) Các Đơn vị

- Phối hợp với Cục TTDL xây dựng chế độ báo cáo thống kê.

- Phối hợp với Cục TTDL xây dựng Hệ thống CNTT phục vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

c) Cục Thống kê

- Phối hợp với Cục TTDL xây dựng chế độ báo cáo thống kê.

3. Sử dụng dữ liệu hành chính

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Xác định chỉ tiêu thống kê sử dụng từ nguồn dữ liệu hành chính.

- Xây dựng quy chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê với Bộ, ngành và đơn vị liên quan (viết gọn là Quy chế phối hợp Bộ, ngành).

- Phối hợp với Cục Thống kê xây dựng quy chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với sở, ngành tại địa phương (viết gọn là Quy chế phối hợp sở, ngành).

- Xây dựng và hướng dẫn sử dụng Hệ thống CNTT phục vụ thực hiện kết nối, kiểm tra, xử lý và sử dụng dữ liệu hành chính từ Bộ, ngành và địa phương.

b) Các Đơn vị

- Đề xuất các chỉ tiêu thống kê sử dụng từ nguồn dữ liệu hành chính và loại dữ liệu hành chính từ Bộ, ngành.

- Phối hợp với Cục TTDL góp ý, hoàn thiện Quy chế phối hợp Bộ, ngành.

- Phối hợp với Cục Thống kê về việc đề xuất các dữ liệu hành chính, loại dữ liệu hành chính từ sở, ngành và tham gia góp ý, hoàn thiện Quy chế phối hợp sở, ngành.

- Phối hợp với Cục TTDL xây dựng Hệ thống CNTT phục vụ tiếp nhận thông tin, kiểm tra, xử lý dữ liệu hành chính từ Bộ, ngành.

c) Cục Thống kê

- Chủ trì, phối hợp với Cục TTDL và các Đơn vị xây dựng Quy chế phối hợp sở, ngành.

- Hướng dẫn sở, ngành và các đơn vị liên quan chia sẻ/cung cấp dữ liệu hành chính.

Điều 9. Thu thập thông tin

1. Điều tra thống kê

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Chỉ đạo thu thập thông tin tại thực địa.
- Tổ chức kiểm tra, xử lý; giám sát; phúc tra.

b) Các Đơn vị

- Phối hợp với Cục TTDL tham gia kiểm tra, xử lý; giám sát; phúc tra.
- Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền.

c) Cục Thống kê

- Tổ chức thu thập thông tin tại địa phương.
- Thực hiện công tác tuyên truyền.
- Tổ chức thực hiện và phối hợp kiểm tra, xử lý; giám sát; phúc tra tại địa phương.

2. Chế độ báo cáo thống kê

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Phối hợp với các Đơn vị trong việc nhận báo cáo theo các Chế độ báo cáo thống kê đã được ban hành.

b) Các Đơn vị

- Đôn đốc, tiếp nhận báo cáo từ các Bộ, ngành, Cục Thống kê theo các Chế độ báo cáo thống kê đã được ban hành.

- Kiểm tra tính đầy đủ của dữ liệu để yêu cầu các Bộ, ngành và Cục Thống kê hoàn thiện.

c) Cục Thống kê

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Sử dụng dữ liệu hành chính

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Tiếp nhận, kiểm tra, xử lý dữ liệu, kết nối dữ liệu hành chính với nguồn dữ liệu điều tra và nguồn dữ liệu khác.

- Phối hợp với Cục Thống kê tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu hành chính từ sở, ngành.

b) Các Đơn vị

Phối hợp với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu hành chính từ Bộ, ngành và địa phương.

c) Cục Thống kê

Tiếp nhận dữ liệu hành chính từ sở, ngành; kiểm tra tính đầy đủ của dữ liệu.

Điều 10. Xử lý thông tin

1. Điều tra thống kê

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Tổ chức chỉ đạo, thực hiện nghiệm thu phiếu điều tra (kiểm tra, làm sạch, xác minh; hoàn thiện dữ liệu thu thập ban đầu: mức độ đầy đủ, logic, tiến độ thu thập thông tin,...).

- Thực hiện kiểm tra; yêu cầu các đơn vị triển khai thu thập thông tin xác minh thông tin; hiệu đính và chuẩn hóa dữ liệu vi mô.

- Tổng hợp danh sách lỗi dựa trên kết quả kiểm tra tổng hợp và chuyên sâu từ các Đơn vị.

- Tính quyền số phục vụ suy rộng kết quả điều tra, ngoại trừ một số cuộc điều tra thuộc lĩnh vực Thống kê Dân số và Lao động; Thống kê Xã hội và Môi trường (quy định cụ thể tại Phụ lục II).

- Tính các tham số chọn mẫu (sai số chọn mẫu, hệ số biến thiên, khoảng tin cậy,...).

- Tích hợp dữ liệu điều tra với các nguồn dữ liệu khác.

- Chuẩn hoá dữ liệu.

- Phối hợp với các Đơn vị kiểm tra biểu trưng gian, biểu tổng hợp, số liệu tổng hợp chuyên sâu.

b) Các Đơn vị

- Kiểm tra biểu trưng gian, biểu tổng hợp, số liệu tổng hợp chuyên sâu gửi Cục TTDL để yêu cầu các đơn vị triển khai thu thập thông tin xác minh thông tin.

- Phối hợp với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô.

- Vụ Kế hoạch tài chính phối hợp với Cục TTDL nghiệm thu khối lượng điều tra phục vụ thanh quyết toán.

c) Cục Thống kê

- Nhập tin phiếu điều tra (nếu có).

- Kiểm tra, đánh mã (nếu có) và yêu cầu xác minh thông tin.

- Xác minh thông tin theo yêu cầu của Cục TTDL và hoàn thiện phiếu điều tra.

- Nghiệm thu phiếu điều tra các cấp tại địa phương.

- Tổng hợp các chỉ tiêu thống kê và kiểm tra chéo kết quả tổng hợp giữa các cấp và các đơn vị hành chính.

2. Chế độ báo cáo thống kê

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Xây dựng cơ sở dữ liệu từ nguồn thông tin chế độ báo cáo thống kê.

b) Các Đơn vị

Thực hiện kiểm tra, làm sạch, xử lý, tổng hợp các báo cáo thống kê được phân công.

c) Cục Thống kê

- Kiểm tra, rà soát, đối chiếu, hoàn thiện dữ liệu.

- Tổng hợp chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo thống kê theo quy định.

3. Sử dụng dữ liệu hành chính

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Kiểm tra, xác minh, xử lý dữ liệu hành chính từ bộ, ngành.

- Phối hợp với Cục Thống kê kiểm tra, xác minh, xử lý dữ liệu hành chính thuộc Quy chế phối hợp sở, ngành.

b) Các Đơn vị

- Phối hợp với Cục TTDL kiểm tra, xác minh, xử lý dữ liệu hành chính từ Bộ, ngành.

- Xây dựng biểu mẫu tổng hợp đầu ra và các biểu trung gian (bao gồm mẫu biểu tổng hợp, trung gian, bảng ánh xạ, chuyển đổi, quy định tổng hợp dữ liệu và phương pháp tính các chỉ tiêu trong biểu).

c) Cục Thống kê

- Kiểm tra, xác minh dữ liệu hành chính từ sở, ngành.

- Phối hợp với Cục TTDL thực hiện kiểm tra, xác minh, xử lý dữ liệu hành chính của Bộ, ngành tại địa phương.

Điều 11. Phân tích và dự báo

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Xây dựng hệ thống quản lý người dùng và phân quyền khai thác các cơ sở dữ liệu (Hệ thống khai thác dữ liệu) từ hệ thống thống kê tập trung cho các Đơn vị

và Cục Thống kê; hướng dẫn các Đơn vị và Cục Thống kê sử dụng Hệ thống khai thác dữ liệu.

- Thực hiện việc phân quyền và quản lý người dùng dựa trên yêu cầu của các Đơn vị và Cục Thống kê trong việc truy cập, khai thác các cơ sở dữ liệu của ngành Thống kê phục vụ phân tích và dự báo.

2. Các Đơn vị

- Gửi các yêu cầu trên Hệ thống khai thác dữ liệu và thực hiện khai thác các cơ sở dữ liệu được phân quyền.

- Thực hiện các báo cáo phân tích, dự báo và khuyến nghị chính sách.

3. Cục Thống kê

- Gửi các yêu cầu trên Hệ thống khai thác dữ liệu và thực hiện khai thác các cơ sở dữ liệu được phân quyền.

- Thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo.

Điều 12. Phổ biến thông tin thống kê

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

- Xây dựng Hạ tầng CNTT phục vụ công bố và phổ biến thông tin thống kê.

- Xây dựng phần mềm và các ứng dụng phục vụ phổ biến thông tin thống kê: Dữ liệu, datawarehouse, dashboard, GIS, metadata, NADA (tự liệu hóa),... hỗ trợ khai thác dữ liệu cho người dùng tin theo quy định.

2. Các Đơn vị

- Kiểm tra các thông tin thống kê tổng hợp và các ấn phẩm đã chuyển đổi sang các phần mềm và các ứng dụng phổ biến thông tin trước khi công bố.

- Biên soạn sản phẩm để phổ biến thông tin thống kê thuộc lĩnh vực của đơn vị.

- Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê: Tổ chức công bố, phổ biến thông tin thống kê theo quy định (tổ chức hội nghị công bố kết quả điều tra, thông tin thống kê; các buổi họp báo công bố thông tin thống kê).

- Thực hiện tuyên truyền kết quả điều tra thống kê, thông tin thống kê (thực hiện các bài viết, tham gia các cuộc phỏng vấn tuyên truyền,...).

3. Cục Thống kê

- Kiểm tra các thông tin thống kê tổng hợp của địa phương đã chuyển đổi sang phần mềm, các ứng dụng phổ biến thông tin trước khi công bố.

- Biên soạn sản phẩm để phổ biến thông tin thống kê thuộc phạm vi của địa phương.
- Tổ chức hội nghị công bố kết quả điều tra, thông tin thống kê; các buổi họp báo công bố thông tin thống kê.
- Thực hiện tuyên truyền kết quả điều tra thống kê, thông tin thống kê (thực hiện các bài viết, tham gia các cuộc phỏng vấn tuyên truyền,...).

Điều 13. Tư liệu hóa

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.
 - Xây dựng Hệ thống CNTT phục vụ tư liệu hóa.
 - Tư liệu hóa các hoạt động trong quy trình sản xuất thông tin thống kê.
 - Lưu trữ dữ liệu vi mô, dữ liệu thống kê của điều tra theo hệ thống quản lý tập trung.
 - Lưu trữ toàn bộ hệ thống biểu mẫu; sản phẩm thông tin thống kê đã công bố từ các cuộc điều tra thống kê bảo đảm quản lý tập trung.
 - Biên soạn tài liệu phục vụ tư liệu hóa các công việc thuộc quy trình chuẩn bị, thu thập thông tin, xử lý và tổng hợp thông tin.
 - Số hóa và sắp xếp lưu trữ dữ liệu.

2. Các Đơn vị

- Lưu trữ biểu tổng hợp, sản phẩm thông tin thống kê đã công bố theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Biên soạn tài liệu phục vụ tư liệu hóa các công việc liên quan đến biên soạn số liệu và xây dựng báo cáo.
- Số hóa và sắp xếp lưu trữ.

3. Cục Thống kê

- Lưu trữ biểu tổng hợp, sản phẩm thông tin thống kê đã công bố theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Biên tập các tài liệu liên quan phục vụ tư liệu hóa.

Điều 14. Đánh giá chất lượng

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê
 - Xây dựng Hệ thống CNTT quản lý các báo cáo tự đánh giá chất lượng của ngành Thống kê.

- Tự đánh giá chất lượng các công việc thực hiện trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê.

2. Các đơn vị

Tự đánh giá chất lượng các công việc thực hiện trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế đến công chức, viên chức, người lao động của đơn vị và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Các đơn vị cử đầu mối để phối hợp thực hiện với từng công việc/nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê.

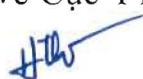
Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Nội dung phối hợp quy trình sản xuất thông tin thống kê giữa các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê được thể hiện tại Phụ lục đính kèm (Phụ lục I: Phân công nhiệm vụ chủ yếu trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê; Phụ lục II: Phân công nhiệm vụ trong điều tra thống kê; Phụ lục III: Phân công nhiệm vụ trong thực hiện chế độ báo cáo thống kê; Phụ lục IV: Phân công nhiệm vụ trong việc sử dụng dữ liệu hành chính), các phụ lục này sẽ được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế (nếu có).

3. Khi các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Định kỳ hằng năm Quy chế được rà soát và cập nhật theo yêu cầu nhiệm vụ phát sinh hoặc thay đổi (nếu có).

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh, vướng mắc hoặc nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Cục TTDL để tổng hợp, báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung./. 



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THÔNG TIN THỐNG KÊ

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
I	BƯỚC 1. XÁC ĐỊNH NHU CẦU THÔNG TIN (Điều 7)				
1	Xây dựng biểu mẫu đăng ký nhu cầu thông tin cần thu thập hằng năm (tên chỉ tiêu; phân tổ chỉ tiêu; phương pháp tính chỉ tiêu và các thông tin khác có liên quan)		Chủ trì		
2	Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (Hệ thống CNTT) phục vụ đăng ký, tổng hợp, quản lý nhu cầu thông tin thống kê hằng năm		Chủ trì		
3	Xác định/xây dựng nhu cầu thông tin thống kê cần thu thập	Phối hợp		Chủ trì	
4	Tổng hợp nhu cầu thông tin cần thu thập (từ nhu cầu thông tin của các đơn vị, bộ, ngành, Cục Thống kê và người dùng tin khác) theo mẫu biểu do Cục TTDL yêu cầu	Phối hợp		Chủ trì	
5	Gửi nhu cầu thông tin thống kê cần thu thập năm sau đến Cục TTDL trước ngày 31/01 năm công tác			Chủ trì	
6	Rà soát các biểu tổng hợp kết quả đăng ký nhu cầu thông tin; các chỉ tiêu thống kê; giải thích về đề xuất nhu cầu thông tin thống kê	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
7	Tổng hợp, phân tích, đánh giá nhu cầu thông tin dựa trên hiện trạng sẵn có của dữ liệu và nguồn lực hiện có để xác định các chỉ tiêu thống kê cần thu thập thông qua điều tra thống kê/báo cáo thống kê/sử dụng dữ liệu hành chính		Chủ trì		
8	Xác định đối tượng, đơn vị, phạm vi đối với các chỉ tiêu thống kê thu thập thông qua điều tra		Chủ trì	Phối hợp	

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
9	Dự thảo Kế hoạch điều tra thống kê năm tiếp theo (viết gọn là Kế hoạch điều tra) trình Tổng cục trưởng phê duyệt trước ngày 30/6 năm công tác		Chủ trì	Phối hợp	
II	BƯỚC 2. CHUẨN BỊ THU THẬP THÔNG TIN (Điều 8)				
A	ĐIỀU TRA THỐNG KÊ				
1	Xây dựng biểu tổng hợp kết quả đầu ra và các biểu trung gian (bao gồm mẫu biểu, quy định tổng hợp dữ liệu và phương pháp tính các chỉ tiêu trong biểu)	Phối hợp		Chủ trì	
2	Tổng hợp, kiểm tra các biểu kết quả đầu ra; rà soát phương pháp tính chỉ tiêu trong các biểu		Chủ trì	Phối hợp	
3	Thiết kế các cuộc điều tra thống kê theo Kế hoạch điều tra đã được phê duyệt (xác định phương pháp, hình thức thu thập thông tin; thiết kế mẫu (xây dựng dàn mẫu và dàn mẫu chủ (nếu có), phương pháp chọn mẫu); thiết kế phiếu hỏi; phương pháp suy rộng mẫu,...)		Chủ trì	Phối hợp	
4	Tham gia ý kiến phương án điều tra trước khi trình Tổng cục trưởng ký quyết định ban hành				Chủ trì: PPCD
5	Hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành Phương án điều tra	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	KHTC, PCTT, VPTC
6	Tổ chức điều tra thí điểm (nếu có)	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
7	Thực hiện chọn mẫu và tính quyền số	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
8	Thực hiện rà soát mẫu và đề xuất mẫu bổ sung/thay thế	Chủ trì	Phối hợp	Phối hợp	
9	Kiểm tra kết quả rà soát mẫu, bổ sung mẫu/thay thế mẫu		Chủ trì		

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
10	Xây dựng Hệ thống CNTT phục vụ thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát, xử lý và tổng hợp	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
11	Kiểm thử các phần mềm điều tra và phần mềm quản lý điều tra	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
12	Biên soạn tài liệu hướng dẫn điều tra và sử dụng các phần mềm		Chủ trì	Phối hợp	
13	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng CNTT cấp trung ương		Chủ trì	Phối hợp	
14	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng CNTT các cấp ở địa phương	Chủ trì			
15	Xây dựng các nội dung nghiệp vụ phục vụ tuyên truyền, biên soạn các tài liệu tuyên truyền		Phối hợp		Chủ trì: PCTT
16	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cấp trung ương		Chủ trì		
17	Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện điều tra tại địa phương (thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát,...); gửi kế hoạch chi tiết tới Cục TTDL để tổng hợp và chỉ đạo thực hiện	Chủ trì			
18	Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra: điều tra viên, đội trưởng, giám sát viên, người hiệu đính số liệu	Chủ trì			
19	Lập dự toán kinh phí điều tra với các nội dung công việc của Cục TTDL và Cục Thống kê gửi Vụ Kế hoạch tài chính rà soát, thẩm định, tổng hợp		Chủ trì		
20	Lập dự toán kinh phí điều tra với các nội dung công việc của các Đơn vị phụ trách gửi Văn phòng Tổng cục rà soát, tổng hợp để gửi Vụ Kế hoạch tài chính rà soát, thẩm định, tổng hợp			Chủ trì	
21	Tổng hợp dự toán kinh phí; làm việc với Cục TTDL và các Đơn vị về dự toán kinh phí điều tra hằng năm		Phối hợp	Phối hợp	Chủ trì: KHTC

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
22	Tổng hợp dự toán kinh phí thu thập thông tin toàn Ngành				Chủ trì: KHTC
B	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ				
1	Xây dựng chế độ báo cáo thống kê trình cấp thẩm quyền ban hành theo quy định	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
2	Xây dựng và hướng dẫn sử dụng Hệ thống CNTT phục vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê		Chủ trì		
C	DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH				
1	Xác định chỉ tiêu thống kê sử dụng từ nguồn dữ liệu hành chính	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
2	Xây dựng Quy chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê với Bộ, ngành		Chủ trì	Phối hợp	
3	Xây dựng yêu cầu và quy định tổng hợp biểu mẫu ra từ cơ sở dữ liệu hành chính		Phối hợp	Chủ trì	
4	Xây dựng Quy chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với sở, ngành	Chủ trì	Phối hợp	Phối hợp	
5	Xây dựng và hướng dẫn sử dụng Hệ thống CNTT phục vụ thực hiện kết nối, kiểm tra, xử lý và sử dụng dữ liệu hành chính từ Bộ, ngành và địa phương	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
III	BUƯỚC 3. THU THẬP THÔNG TIN (Điều 9)				
A	ĐIỀU TRA THỐNG KÊ				
1	Chỉ đạo thu thập thông tin tại thực địa		Chủ trì		
2	Tổ chức thu thập thông tin tại địa phương	Chủ trì			

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
3	Tổ chức kiểm tra, xử lý, giám sát quá trình thu thập thông tin (thực hiện kế hoạch của Trung ương)		Chủ trì	Phối hợp	
4	Tổ chức kiểm tra, xử lý, giám sát quá trình thu thập thông tin (thực hiện kế hoạch của địa phương)	Chủ trì			
5	Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền (theo kế hoạch của Trung ương)		Phối hợp	Phối hợp	Chủ trì: PCTT
6	Thực hiện tuyên truyền (theo kế hoạch của địa phương)	Chủ trì			
7	Thực hiện phúc tra (theo kế hoạch của Trung ương)	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
8	Thực hiện phúc tra (theo kế hoạch của địa phương)	Chủ trì			
B	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ				
1	Thực hiện Chế độ báo cáo thống kê	Chủ trì			
2	Tiếp nhận báo cáo thống kê từ các bộ, ngành và Cục Thống kê		Phối hợp	Chủ trì	
3	Kiểm tra tính đầy đủ, tính chính xác, tính logic của dữ liệu để yêu cầu các bộ, ngành và Cục Thống kê hoàn thiện	Phối hợp		Chủ trì	
4	Đôn đốc các đơn vị thực hiện báo cáo			Chủ trì	
C	DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH				
1	Đôn đốc và yêu cầu bộ, ngành chia sẻ dữ liệu hành chính theo Quy chế phối hợp bộ, ngành		Chủ trì		
2	Kiểm tra tính đầy đủ của dữ liệu hành chính của các bộ, ngành để yêu cầu hoàn thiện		Chủ trì	Phối hợp	

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
3	Đôn đốc và yêu cầu sở, ngành và các cơ quan tại địa phương chia sẻ dữ liệu hành chính theo Quy chế phối hợp sở, ngành	Chủ trì			
4	Kiểm tra tính đầy đủ, tính logic của dữ liệu hành chính của sở, ngành để yêu cầu hoàn thiện	Chủ trì	Phối hợp		
IV	BƯỚC 4. XỬ LÝ THÔNG TIN (Điều 10)				
A	ĐIỀU TRA THÔNG KÊ				
1	Nhập tin phiếu điều tra (nếu có)	Chủ trì			
2	Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh mã (nếu có), xác minh, hoàn thiện dữ liệu vi mô thu thập ban đầu: mức độ đầy đủ, chính xác của các trường thông tin, hoàn thiện các lỗi cơ bản, tiến độ, gia hạn thực hiện điều tra, ... (các cấp tại địa phương)	Chủ trì	Phối hợp		
3	Tổ chức thực hiện kiểm tra, xác minh, hoàn thiện dữ liệu vi mô thu thập ban đầu: mức độ đầy đủ, chính xác của các trường thông tin, hoàn thiện các lỗi cơ bản, tiến độ, gia hạn thực hiện điều tra, ... (kiểm tra dữ liệu của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
4	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp (thông qua kết quả tổng hợp đầu ra), kiểm tra chéo kết quả giữa các cấp/đơn vị hành chính tại địa phương; hoàn thiện dữ liệu	Chủ trì			
5	Kiểm tra biểu tổng hợp, biểu trung gian (thông qua kết quả tổng hợp đầu ra), kiểm tra số liệu chuyên sâu	Phối hợp	Phối hợp	Chủ trì	
6	Tổng hợp danh sách lỗi dựa trên kết quả kiểm tra tổng hợp và chuyên sâu		Chủ trì		
7	Xác minh thông tin dựa trên danh mục lỗi	Chủ trì			
8	Hiệu chỉnh và hoàn thiện dữ liệu vi mô	Chủ trì	Phối hợp		

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
9	Tính quyền số phục vụ suy rộng kết quả điều tra		Chủ trì		
10	Tính các tham số chọn mẫu (sai số chọn mẫu, hệ số biến thiên, khoảng tin cậy, ...).		Chủ trì		
11	Tích hợp dữ liệu điều tra với các nguồn dữ liệu khác (dữ liệu hành chính và báo cáo thống kê)		Chủ trì		
12	Chuẩn hoá dữ liệu		Chủ trì		
13	Thực hiện nghiệm thu phiếu điều tra cấp Trung ương	Phối hợp	Chủ trì	Phối hợp	
14	Thực hiện nghiệm thu phiếu điều tra tại địa phương	Chủ trì			
B	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ				
1	Thực hiện kiểm tra, làm sạch các báo cáo thống kê (Chế độ báo cáo do Cục Thống kê thực hiện)	Phối hợp		Chủ trì	
2	Tổng hợp các báo cáo thống kê được phân công	Phối hợp	Phối hợp	Chủ trì	
3	Thực hiện kiểm tra, làm sạch các báo cáo thống kê (Chế độ báo cáo do bộ, ngành thực hiện)		Phối hợp	Chủ trì	
4	Đôn đốc, kiểm tra số liệu báo cáo, trực tiếp thông báo cho các đơn vị để hoàn thiện báo cáo			Chủ trì	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu từ nguồn thông tin chế độ báo cáo thống kê		Chủ trì		
C	DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH				
1	Kiểm tra, xác minh, xử lý dữ liệu hành chính thuộc Quy chế phối hợp bộ, ngành		Chủ trì	Phối hợp	

STT	NỘI DUNG	CỤC THỐNG KÊ	CỤC TTDL	VỤ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ KHÁC
2	Kiểm tra, xác minh, xử lý dữ liệu hành chính thuộc Quy chế phối hợp sở, ngành	Chủ trì			
3	Xây dựng yêu cầu và quy định tổng hợp biểu mẫu ra từ cơ sở dữ liệu hành chính của bộ, ngành			Chủ trì	
V	BƯỚC 5. TƯ LIỆU HÓA (Điều 13)				
1	Chuẩn hóa dữ liệu		Chủ trì	Phối hợp	
2	Xây dựng hệ thống CNTT phục vụ tư liệu hóa		Chủ trì		
3	Tư liệu hóa và lưu trữ		Chủ trì		

Ghi chú:

PPCĐ: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê

PCTT: Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê

KHTC: Vụ Kế hoạch tài chính

VPTC: Văn phòng Tổng cục

Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG ĐIỀU TRA THỐNG KÊ HÀNG NĂM

STT	Tên Phụ lục
2.1	Nội dung phối hợp về thống kê Dân số và Lao động
2.2	Nội dung phối hợp về thống kê Công nghiệp và Xây dựng
2.3	Nội dung phối hợp về thống kê Giá
2.4	Nội dung phối hợp về thống kê Xã hội và Môi trường
2.5	Nội dung phối hợp về thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản
2.6	Nội dung phối hợp về thống kê Thương mại và Dịch vụ
2.7	Nội dung phối hợp về Tài khoản quốc gia



Phụ lục 2.1

NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG

1. Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ DSLĐ ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ DSLĐ	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 01 - 20/4	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01-29/4	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 04-20/5	Cục TTDL	CTK, Vụ DSLĐ
4	Kiểm tra chuyên sâu	Ngày 21/5 – 15/6	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 16/6-15/7	Cục TTDL	CTK, Vụ DSLĐ
6	Tính quyền số thiết kế	Ngày 01/4-30/6	Cục TTDL	Vụ DSLĐ
7	Tính quyền số điều chỉnh	Ngày 01/6-15/7	Vụ DSLĐ	Cục TTDL
8	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/7	Cục TTDL	Vụ DSLĐ

2. Điều tra lao động việc làm (thực hiện hàng tháng)

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ DSLĐ

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ DSLĐ: Vụ Thống kê Dân số và Lao động

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ DSLĐ	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, ghi mã, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01-15	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 01-16	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 17-18	Vụ DSLĐ	Cục TTDL, CTK
4	Xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 19-20	Cục TTDL	CTK, Vụ DSLĐ
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 21	Cục TTDL	Vụ DSLĐ
6	Tính quyền số thiết kế và quyền số điều chỉnh	Tháng 4 năm sau	Vụ DSLĐ	Cục TTDL



NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG

1. Điều tra công nghiệp tháng

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ CNXD ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01 - 12	CTK ³	Cục TTDL
2	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: lỗi logic, đơn vị tính. - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 01 - 17	Cục TTDL	CTK
3	- Kiểm tra, rà soát dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để hoàn thiện dữ liệu. - Nghiệm thu chất lượng dữ liệu	Ngày 18 - 22	Vụ CNXD	Cục TTDL, CTK
4	Kiểm tra, rà soát, nhập tin số liệu tập đoàn, TCT (EVN, PVN)	Ngày 20-21	Cục TTDL	Vụ CNXD
5	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Ngày 23-29	Vụ CNXD	
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 22	Cục TTDL	

***Ghi chú:** Khi thực hiện điều tra IIP theo năm gốc mới, cần điều tra song hành Hai năm gốc trong vòng 6 tháng đầu.

¹Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

²Vụ CNXD: Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng

³CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2. Điều tra Vốn đầu tư quý

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, đánh mã, nhập tin, hoàn thiện dữ liệu, nghiệm thu cấp tỉnh và gửi dữ liệu về Trung ương	Ngày 25 tháng trước đến ngày 12 tháng điều tra	CTK	Cục TTDL
2	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: lỗi logic, đơn vị tính - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 12 - 17 tháng điều tra	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra, rà soát, xử lý dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 18 - 22 tháng cuối quý	Vụ CNXD	Cục TTDL
4	Tổng hợp, biên soạn báo cáo, phân tích báo cáo	Ngày 22-25 tháng cuối quý	Vụ CNXD	Cục TK
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 22 tháng cuối quý	Cục TTDL	
III	Công tác khác			
1	Đề xuất tích hợp nguồn dữ liệu hành chính, chế độ báo cáo và các cuộc điều tra khác (nếu có) vào phần mềm điều tra nhằm phục vụ tổng hợp và biên soạn báo cáo gồm: Xây dựng mẫu biểu đầu vào, xây dựng hệ thống biểu đầu ra và thuật toán tổng hợp	Khi phát sinh nhu cầu	Vụ CNXD	

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2	Xây dựng phần mềm tích hợp theo yêu cầu của Vụ CNXD	Khi phát sinh nhu cầu	Cục TTDL	Vụ CNXD
3	Thu thập, kiểm tra, xử lý dữ liệu từ nguồn dữ liệu hành chính, chế độ báo cáo và dữ liệu điều tra khác (nếu có)	Ngày 17-20 hàng tháng	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK, Bộ ngành,

3. Điều tra Xây dựng quý

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	30 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	Quý I ngày 25/02 – 12/3 Quý II ngày 25/4 – 12/5 Quý III ngày 25/8 – 12/9 Quý IV ngày 25/10 – 12/11	CTK	Cục TTDL
2	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: Lỗi logic, đơn vị tính. - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Quý I ngày 15/3 – 17/3 Quý II ngày 15/5 – 17/5 Quý III ngày 15/9 – 17/9 Quý IV ngày 15/11 – 17/11	Cục TTDL	Vụ CNXD, CTK

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	Kiểm tra, rà soát, xử lý dữ liệu, chuyên sâu	Quý I ngày 18/3-22/3 Quý II ngày 18/5-22/5 Quý III ngày 18/9-22/9 Quý IV ngày 18/11-22/11	Vụ CNXD	Cục TTDL
4	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Quý I ngày 22/3 - 29/3 Quý II ngày 22/5 - 29/5 Quý III ngày 22/9 - 29/9 Quý IV ngày 22/11 - 29/11	Vụ CNXD	Phòng kinh tế, CTK
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 22 tháng 3, 5, 9, 11	Cục TTDL	

4. Điều tra Vốn đầu tư năm

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin phiếu Hộ dân cư, phiếu hộ trang trại, phiếu Xã/phường, phiếu đơn vị sự nghiệp; nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01/02 - 31/3	CTK	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2	Thu thập thông tin phiếu sở tài chính; nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01/4 - 29/04	CTK	Cục TTDL
3	- Thu thập thông tin phiếu Bộ, ngành - Thực hiện kiểm tra, đánh mã, làm sạch phiếu, nhập tin, hoàn thiện phiếu điều tra	Ngày 01/8-15/9 hàng năm	Cục TTDL	
4	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: lỗi logic, đơn vị tính - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 01/4-31/5 hàng năm	Cục TTDL	CTK
5	Kiểm tra, rà soát, xử lý dữ liệu chuyên sâu gửi cho Cục TTDL để xác minh, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu	- Phiếu Hộ dân cư, hộ trang trại, xã/phường, đơn vị Sự nghiệp, Sở ngành: ngày 01/6-30/6 hàng năm - Phiếu Bộ ngành: ngày 16/9 – 30/9 hàng năm	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo, phân tích báo cáo	Ngày 01/10- 31/12 hàng năm	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK

5. Điều tra Xây dựng năm

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, ghi mã, nhập tin	Ngày 01/02 – 31/3	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh: Lỗi logic, số lượng đơn vị điều tra.	Ngày 1/4-30/4	CTK	Cục TTDL
3	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu: Lỗi Logic, đơn vị tính. - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Ngày 31/3-15/6	Cục TTDL	CTK, Vụ CNXD
4	-Kiểm tra, rà soát dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL	Ngày 16/6 - 15/8	Vụ CNXD	Cục TTDL, Cục TK
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/8	Cục TTDL	
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Ngày 16-31/8	Vụ CNXD	Phòng kinh tế, CTK

6. Điều tra doanh nghiệp năm

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD, Các đơn vị liên quan khác
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra; có thể cập nhật và bổ sung thêm trong quá trình triển khai điều tra	Vụ CNXD	Cục TTDL, Các đơn vị liên quan khác
3	Xây dựng chương trình phần mềm điều tra	Tháng 9 năm trước -tháng 2 năm sau	Cục TTDL	Vụ CNXD, Các đơn vị liên quan khác

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Xây dựng thuật toán suy rộng	Tháng 9-12 năm trước	Cục TTDL	Vụ CNXD
5	Rà soát dàn mẫu, chọn mẫu điều tra	Theo quy định của phương án	Cục TTDL	Vụ CNXD
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Tháng 4-7	Cục TTDL	CTK Vụ CNXD
			Cục TTDL	Các đơn vị
2	Kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	Tháng 4 - 7	CTK	Cục TTDL
3	- Thu thập thông tin khối tập đoàn, tổng công ty	Tháng 6-7	Cục TTDL	Các đơn vị
4	- Kiểm tra, làm sạch dữ liệu và giải trình: lỗi logic; đơn vị tính; thay đổi ngành, loại hình; thay đổi quy mô lớn giữa các năm: lao động, thu nhập của người lao động, tài sản, nguồn vốn, kết quả sản xuất kinh doanh,... - Nghiệm thu số lượng đơn vị điều tra cấp trung ương	Tháng 4 - 9	Cục TTDL	CTK, các đơn vị liên quan khác
5	Kiểm tra, rà soát dữ liệu chuyên sâu, dữ liệu tổng hợp gửi Cục TTDL xác minh.	Tháng 10- 11	Vụ CNXD: các chỉ tiêu cơ bản phục vụ biên soạn Sách Trắng DN Việt Nam, các chỉ tiêu chuyên ngành lĩnh vực CN-XD; Vụ TMDV, Vụ NNNTS, Vụ TKQG, Vụ XHMT...: các chỉ tiêu	Cục TTDL, CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			chuyên ngành theo lĩnh vực phụ trách.	
6	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	Tháng 12 - tháng 5 năm sau	Vụ CNXD Vụ TMDV, Vụ NNNTS, Vụ TKQG, Vụ XHMT...: các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực phụ trách.	CụcTTDL,CTK
7	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Tháng 01 năm sau	Vụ CNXD	

Phụ lục 2.3
NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THỐNG KÊ GIÁ

1. Điều tra giá tiêu dùng (thực hiện hàng tháng)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ TKG ²
2	Xây dựng quy trình tính chỉ số giá	Tháng 2-8 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
3	Xây dựng cấu trúc chỉ số giá	Tháng 2-8 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
5	Lập dàn chọn mẫu	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
6	Chọn mẫu	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
7	Xây dựng danh mục sản phẩm sơ bộ	Tháng 2-8 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL, CTK
8	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TKG	Cục TTDL
9	Xây dựng, cập nhật và kiểm thử các phần mềm ứng dụng phục vụ rà soát danh mục sản phẩm; điều tra thu thập thông tin giá; tính chỉ số giá; tổng hợp kết quả đầu ra	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
10	Cập nhật sản phẩm, đơn vị điều tra	Trước mỗi kỳ đổi rổ và rà soát hàng năm	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
11	Rà soát, hoàn thiện Danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra	Trước mỗi kỳ đổi rổ và rà soát hàng năm	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
12	Tính toán quyền số	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ TKG: Vụ Thống kê Giá

13	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh	Trước mỗi kỳ đối rõ	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
14	Điều tra giá gốc	12 tháng của năm được chọn làm gốc	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
15	Tổng hợp giá gốc	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG
16	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra khi có phát sinh	Theo phát sinh trong thực tiễn	Cục TTDL	Vụ TKG
17	Rà soát, điều chỉnh quyền số hàng năm	Theo quy định cụ thể tại Phương án điều tra tương ứng	Cục TTDL	Vụ TKG
II	Thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin			
1.1.	Kỳ 1			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch số liệu giá, kiểm tra logic	Ngày 01 đến 15h ngày 03	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin	15h ngày 03 đến 10h ngày 04	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	10h ngày 04 đến 15h ngày 04	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu giá	15h ngày 04 đến 10h ngày 05	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các gốc so sánh	10h ngày 05 đến 24h ngày 05	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	24h ngày 05	Cục TTDL	Vụ TKG
1.2	Kỳ 2			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch dữ liệu, kiểm tra logic	Ngày 8 đến 15h ngày 14	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin	15h ngày 14 đến 10h ngày 15	Cục TTDL	CTK

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	10h ngày 15 đến 15h ngày 15	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu	15h ngày 15 đến 15h ngày 16	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các gốc so sánh	15h ngày 16 đến 24h ngày 16	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	24h ngày 16	Cục TTDL	Vụ TKG
1.3	Kỳ 3			
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch số liệu giá, kiểm tra logic.	Ngày 15 đến 15h ngày 23	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin	15h ngày 23 đến 10h ngày 24	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	10h ngày 24 đến 12h ngày 24	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu giá	12h ngày 24 đến 15h ngày 24	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các gốc so sánh	15h ngày 24 đến 24h ngày 25	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	24h ngày 25	Cục TTDL	Vụ TKG

2. Điều tra giá sản xuất công nghiệp; Điều tra giá sản xuất dịch vụ; Điều tra giá nông, lâm nghiệp và thủy sản; Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất (thực hiện hàng tháng) và các cuộc điều tra giá còn lại, gồm: Giá sản xuất xây dựng; giá tiền lương; giá bất động sản thuộc chương trình thống kê quốc gia

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
2	Xây dựng quy trình tính chỉ số giá	Tháng 2-8 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
3	Xây dựng cấu trúc chỉ số giá	Tháng 2-8 năm	Vụ TKG	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		trước		
4	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
5	Lập dàn chọn mẫu	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
6	Chọn mẫu	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKG
7	Xây dựng danh mục sản phẩm sơ bộ	Tháng 2-8 năm trước	Vụ TKG	Cục TTDL
8	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TKG	Cục TTDL
9	Xây dựng, cập nhật và kiểm thử các phần mềm ứng dụng phục vụ rà soát danh mục sản phẩm; điều tra thu thập thông tin giá; tính chỉ số giá; tổng hợp kết quả đầu ra	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
10	Cập nhật sản phẩm, đơn vị điều tra	Trước mỗi kỳ đối rõ và rà soát hàng năm	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
11	Rà soát, hoàn thiện Danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra	Trước mỗi kỳ đối rõ và rà soát hàng năm	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
12	Tính toán quyền số	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG
13	Tập huấn cập trung ương và cấp tỉnh	Trước mỗi kỳ đối rõ	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
14	Điều tra giá gốc	12 tháng của năm được chọn làm gốc	Cục TTDL, CTK	Vụ TKG
15	Tổng hợp giá gốc	2-3 tháng trước quý nối chuỗi	Cục TTDL	Vụ TKG
16	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra khi có phát sinh	Theo phát sinh trong thực tiễn	Cục TTDL	Vụ TKG
17	Rà soát, điều chỉnh quyền số hàng năm	Theo quy định cụ thể tại Phương án điều tra tương ứng	Cục TTDL	Vụ TKG
II	Thu thập, xử lý và tổng hợp			

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thu thập thông tin giá, kiểm tra, làm sạch số liệu giá, kiểm tra logic	Ngày 05 đến 15h ngày 12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, xác minh giá thu thập từ các đơn vị cung cấp thông tin.	15h ngày 12 đến 15h ngày 13	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	15h ngày 13 đến 10h ngày 14	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu giá; gửi dữ liệu giá NNVL tới Vụ Thống kê Giá tổng hợp chỉ số giá.	10h ngày 14 đến 16h ngày 14	Cục TTDL	CTK
5	Tổng hợp và biên soạn CSG vùng và cả nước theo các gốc so sánh	16h ngày 14 đến 24h ngày 16	Vụ TKG	Cục TTDL
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	24h ngày 16	Cục TTDL	Vụ TKG

3. Khai thác thông tin giá xuất, nhập khẩu từ Tổng cục Hải Quan

STT	Thu thập, xử lý và tổng hợp	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Thu thập thông tin giá	Ngày 10 đến ngày 13	Cục TTDL	
2	Kiểm tra, làm sạch số liệu, kiểm tra logic, xác minh giá thu thập	Ngày 14 đến 15h ngày 15	Cục TTDL	Vụ TKG
3	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp	15h ngày 15 đến 10h ngày 16	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xác minh, hoàn thiện và chốt số liệu.	10h ngày 16 đến 17h ngày 16	Cục TTDL	Vụ TKG
5	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	24h ngày 16	Cục TTDL	Vụ TKG



Phụ lục 2.4

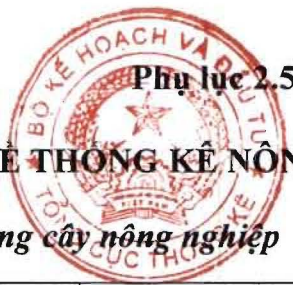
NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THÔNG KÊ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Khảo sát mức sống dân cư từ năm 2023 (thực hiện hàng quý)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2 - 8 năm trước	Cục TTDL	Vụ XHMT
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra chính thức	Vụ XHMT	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 01 - 30 tháng giữa quý (riêng tháng 02 từ 01-28)	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại tỉnh/TP	Ngày 01 tháng giữa quý đến ngày 15 tháng cuối quý	CTK	Cục TTDL, Vụ XHMT
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại Trung ương	Ngày 01 tháng giữa quý đến ngày 20 tháng cuối quý	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
4	Kiểm tra số liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu, phát hiện lỗi và gửi Cục TTDL phối hợp xử lý làm sạch.	Ngày 01-10 tháng cuối quý	Vụ XHMT	Cục TTDL
5	Kiểm tra, xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 01-16 tháng cuối quý	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 17 tháng cuối quý	Cục TTDL	Vụ XHMT
7	Tính quyền số năm	Ngày 10/12	Vụ XHMT	Cục TTDL (ngày 01/12 cấp số liệu tính quyền số, bao gồm số hộ các địa bàn khảo sát và số hộ chia theo thành thị và nông thôn của các tỉnh/TP)
8	Kiểm tra kết quả đầu ra (biểu trung gian, biểu tổng hợp)	Tháng 01 – 02 năm sau	Vụ XHMT	Cục TTDL, CTK

2. Điều tra người khuyết tật năm 2023 (thực hiện vào các năm có đuôi 3 và 8)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2 - 12 năm trước	Cục TTDL	Vụ XHMT
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra chính thức	Vụ XHMT	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin	Ngày 01 - 30/9	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại tỉnh/TP	Ngày 01/9 - 30/10	CTK	Cục TTDL, Vụ XHMT
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại Trung ương	Ngày 01/9 - 30/11	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
4	Kiểm tra số liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu, phát hiện lỗi và gửi Cục TTDL phối hợp xử lý làm sạch.	Ngày 01/12-30/12	Vụ XHMT	Cục TTDL
5	Kiểm tra, xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 15/12-30/01 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ XHMT
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/02 năm sau	Cục TTDL	Vụ XHMT
7	Tính quyền số	Ngày 15/02 năm sau	Cục TTDL	Vụ XHMT
8	Kiểm tra kết quả đầu ra (biểu trung gian, biểu tổng hợp)	Tháng 02 - 04 năm sau	Vụ XHMT	Cục TTDL, CTK



Phụ lục 2.5

NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THÔNG KÊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Điều tra Diện tích gieo trồng cây nông nghiệp

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ NLTS	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
II.1	Vụ Đông			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/11 năm trước - 31/01	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch vi mô, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch số liệu vi mô, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp TW	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ cho chọn mẫu điều tra năng suất, sản lượng cây trồng	Sau 20 ngày tính từ khi hoàn thành thu thập dữ liệu, chậm nhất là 20/02	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	21-28/02 (có nghỉ thời gian nếu vào nghỉ Tết)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
II.2	Vụ Xuân			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/02-15/6	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp TW .	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ cho chọn mẫu điều tra năng suất, sản lượng cây trồng	Sau 20 ngày tính từ khi hoàn thành thu thập dữ liệu, chậm nhất là 05/7	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	30 ngày sau khi hoàn thành thu thập dữ liệu, chậm nhất là 15/7	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
III.3	Vụ Đông Xuân 2022			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/02-15/6 (ĐBSCL 01/12 năm trước-30/3)	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp TW .	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ cho chọn mẫu điều tra năng suất, sản lượng cây trồng	Sau 20 ngày tính từ khi hoàn thành thu thập dữ liệu, chậm nhất là 05/7 (ĐBSCL 20/4)	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện	30 ngày sau khi hoàn thành thu thập dữ liệu, chậm nhất là 15/7 (ĐBSCL 30/4)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	số liệu)			
III.4	Vụ Hà Thu			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/6-30/9	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp TW .	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ cho chọn mẫu điều tra năng suất sản lượng	20 ngày sau khi hoàn thành thu thập dữ liệu	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	10 ngày sau tính từ ngày chốt thời gian tại mục 6 (nếu cần)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
II.5	Vụ Thu đông/vụ 3			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/10-16/12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ cho chọn mẫu điều tra năng suất sản lượng	20 ngày sau khi hoàn thành thu thập dữ liệu	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	10 ngày sau tính từ ngày chốt thời gian tại mục 6 (nếu cần)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
II.6	Vụ Mùa			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/9-30/11 (ĐBSCL 01/9-30/12 năm trước)	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ chọn mẫu điều tra năng suất sản lượng	20 ngày sau khi hoàn thành thu thập dữ liệu	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	10 ngày sau tính từ ngày chốt thời gian tại mục 6 (nếu cần)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
II.7	Cây lâu năm			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/11-10/11	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	20/11	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	25/11 (05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK)	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	28/11 (08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	gian, không gian	mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)		CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	30/11 (02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có))	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ chọn mẫu điều tra năng suất sản lượng	30/11	Cục TTDL	
7	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp BC (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	10/12	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK

2. Điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ NLTS	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
II.1	Vụ Đông (CÂY HẰNG NĂM)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/12 năm trước - 20/02	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	Sau 15 ngày nhận được dữ liệu của Cục TK; chậm nhất là 15/3	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	13-15/3	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo chính thức	16-26/3	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	16-26/3	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.2	Vụ Xuân (CÂY HẰNG NĂM)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/5-20/7	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	Sau 15 ngày nhận được dữ liệu của Cục TK; chậm nhất là 15/8	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	13-15/8	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo chính thức	16/8-26/8	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở	16/8-26/8	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)			
II.3	Vụ Đông Xuân (CÂY HÀNG NĂM)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/5-20/7 (ĐBSCL 01/3-20/4)	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	Sau 15 ngày nhận được dữ liệu của Cục TK; chậm nhất là 15/8 (ĐBSCL 15/5)	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	13-15/8 (ĐBSCL 13-15/5)	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo chính thức	16-26/8 (ĐBSCL 16-26/5)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	16-26/8 (ĐBSCL 16-26/5)	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.4	Vụ Hè Thu (CÂY HÀNG NĂM)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/9-20/10	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	Sau 15 ngày nhận được dữ liệu của Cục TK; chậm nhất là 15/11	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	13-15/11	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo chính thức	16 -26/11	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	16-26/11	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.5	Vụ Thu Đông/Vụ 3 (CÂY LÚA)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/10-20/12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	Sau 15 ngày nhận được dữ liệu của Cục TK; chậm nhất là 15/01 năm sau	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	13-15/01 năm sau	CTK	

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo chính thức	16 -26/01 năm sau	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	16-26/01 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.6	Vụ mùa (CÂY HẰNG NĂM)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/10-20/12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	Sau 15 ngày nhận được dữ liệu của Cục TK; chậm nhất là 15/01 năm sau	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	13-15/01 năm sau	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo chính thức	16 -26/01 năm sau	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	16/01-26/01 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.7	CÂY LÂU NĂM			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/12-20/12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm	10 ngày sau hoàn thành thu	CTK	Cục

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thu tại CTK	thập, nhập tin tại CTK		TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp Trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	15/01 năm sau	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	16-31/01 năm sau	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	01/02-15/02 năm sau	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	01/02-15/02 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS

3. Điều tra chăn nuôi

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ NLTS	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
II.1	Kỳ 01/01			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/01 - 15/01	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp Trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	25/02	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	25-28/02	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	01/03-10/03	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	01/3-10/3	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.2	Kỳ 01/04			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/04 - 15/04	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	05/5	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	06-10/5	CTK	

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	11/05-20/05	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo Quý I (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	11-20/5	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
III.3	Kỳ 01/07			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/07 - 15/07	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	09/8	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo	10-15/8	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	11-20/8	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo sơ bộ 6 tháng đầu năm (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	11-21/8	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
III.4	Kỳ 01/10			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/10 - 15/10	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm	05 ngày sau kết thúc kiểm tra	Cục TTDL	CTK

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thu cấp trung ương	làm sạch số liệu vi mô của CTK		
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	05/11	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	06-10/11	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	11-20/11	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo Quý III (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	11-21/11	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS

4. Điều tra Lâm nghiệp

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ NLTS	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/01-15/01	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập, nhập tin tại CTK	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và	08 ngày sau kết thúc kiểm	Vụ NLTS	Cục TTDL,

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)		CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	05/3	Cục TTDL	
7	Tổng hợp số liệu làm báo cáo chính thức	06-10/3	CTK	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	11-20/3	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	11-21/3	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS

5. Điều tra Thủy sản

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-6 năm trước	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ NLTS	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
II.1	Điều tra tháng			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	Ngày 01 đến ngày cuối tháng	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	05 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	03 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	03 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK

		Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)		
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	17 tháng sau	Cục TTDL	
7	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	18-23 tháng sau	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
8	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức cấp trung ương (mở chương trình đối với một số tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	18-23 tháng sau	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.2	Kỳ 01/6 (không bao gồm điều tra khai thác biển tháng)			
1	Rà soát đơn vị và địa bàn có nuôi trồng thủy sản	15/5-31/5	CTK	Cục TTDL
2	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/6-20/6	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
4	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
5	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian	08 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK (thực hiện cùng thời gian với Cục TTDL kiểm tra dữ liệu vi mô)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
6	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
7	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo	15/7	Cục TTDL	
8	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	16 - 25/7	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
9	Hoàn thiện dữ liệu vi mô sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	16 - 25/7	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS
II.3	Kỳ 01/12 (không bao gồm kiểm tra số liệu khai thác			

	biên tháng)			
1	Thu thập thông tin, làm sạch logic trong quá trình điều tra	01/12-25/12	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu tại CTK	10 ngày sau hoàn thành thu thập thông tin	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	05 ngày sau kết thúc kiểm tra làm sạch số liệu vi mô của CTK	Cục TTDL	CTK
4	Kiểm tra dữ liệu trung gian và dữ liệu tổng hợp theo thời gian, không gian (NLTS)	08 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện số liệu cấp trung ương	02 ngày sau phản hồi của Vụ NLTS (nếu có)	Cục TTDL	Vụ NLTS, CTK
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ làm báo cáo chính thức	31/01 năm sau	Cục TTDL	
7	Tổng hợp, biên soạn báo cáo	01/02 – 25/02 năm sau	Vụ NLTS	Cục TTDL, CTK
8	Hoàn thiện số liệu sau tổng hợp báo cáo chính thức (mở chương trình đối với tỉnh có phát hiện sai lệch cần hoàn thiện số liệu)	01/02 – 25/02 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ NLTS



NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ THÔNG KÊ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

1. Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa, điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác; điều tra hoạt động vận tải kho bãi (thực hiện hàng tháng) năm 2022; Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ từ năm 2023

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ TMDV ²
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TMDV	Cục TTDL
II	Thu thập, xử lý và tổng hợp			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 5 - 12	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 5 - 17	Cục TTDL	CTK
3	Kiểm tra dữ liệu chuyên sâu gửi Cục TTDL để xác minh, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 18 - 22	Vụ TMDV	CTK
4	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Chiều ngày 23	Cục TTDL	
5	Tổng hợp và biên soạn báo cáo	Ngày 23-29	Vụ TMDV	

2. Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL	Vụ TMDV
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TMDV	Cục TTDL

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ TMDV: Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

II	Thu thập và xử lý			
1	Tiến hành thu thập thông tin	30 ngày từ ngày 05/01	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 05/01 - 20/02	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 05/01 - 10/3	Vụ TMDV	Cục TTDL
4	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu	Ngày 11/3 - 31/3	Vụ TMDV	Cục TTDL
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu	Ngày 20/3 - 20/4	Cục TTDL	CTK, Vụ TMDV
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 30/4	Cục TTDL	

3. Điều tra chỉ tiêu của khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2-8 năm trước	Cục TTDL	Vụ TMDV
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TMDV	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Tiến hành thu thập thông tin	- Phiếu thu thập thông tin từ hộ dân cư: ngày 01-10 các tháng 10, 11, 12 - Thu thập thông tin của khách quốc tế đến VN: 01-30/10	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Ngày 01/10 - 20/12	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Ngày 01/10 - 30/12	Vụ TMDV	Cục TTDL

4	Kiểm tra dữ liệu tổng hợp, kiểm tra số liệu chuyên sâu	Tháng 01 năm sau	Vụ TMDV	Cục TTDL
5	Xác minh, làm sạch, hoàn thiện dữ liệu	Tháng 02 năm sau	Cục TTDL	CTK, Vụ TMDV
6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Ngày 15/3	Cục TTDL	

NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ TÀI KHOẢN QUỐC GIA

1. Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian (điều tra các năm có đuôi 01 và 06)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2 - 8 năm trước	Cục TTDL ¹	Vụ TKQG ² , các đơn vị liên quan khác
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TKQG	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Thu thập thông tin, kiểm tra, nghiệm thu cấp tỉnh	- Cơ sở SXKD cá thể, hộ NLST, hộ gia đình: 30 ngày kể từ ngày bắt đầu tiến hành điều tra. - DN, HTX, Cơ quan hành chính, Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, không vì lợi: theo phương án điều tra.	CTK ³	Cục TTDL
2	Kiểm tra, giám sát thu thập thông tin, làm sạch (lỗi logic của phiếu, đơn vị tính), nghiệm thu cấp trung ương, hoàn thiện dữ liệu thu thập	Tháng 01-10	Cục TTDL	CTK, Vụ TKQG
3	Kiểm tra thuật toán của hệ biểu tổng hợp đầu ra	Tháng 9-10	Vụ TKQG	CTK Cục TTDL
4	Kiểm tra dữ liệu sơ bộ, xác minh, hoàn thiện dữ liệu sơ bộ (theo ngành IO của từng phiếu điều tra)	Tháng 10 năm điều tra đến tháng 01 năm sau	Cục TTDL	CTK Vụ TKQG

¹ Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

² Vụ TKQG: Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia

³ CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

5	Tính quyền số suy rộng mẫu	Tháng 12	Vụ TKQG	Cục TTDL; các Vụ TK chuyên ngành
6	Biên soạn hệ số chi phí trung gian theo ngành IO, ngành kinh tế cấp 1, 2, loại hình kinh tế, khu vực thể chế	Tháng 01-6 năm sau	Vụ TKQG	Cục TTDL; Các vụ thống kê chuyên ngành
7	Kiểm tra dữ liệu chuyên sâu, xác minh, hoàn thiện dữ liệu (theo ngành IO, ngành kinh tế cấp 1, cấp 2, loại hình kinh tế, khu vực thể chế)	Tháng 02-6 năm sau	Vụ TKQG	Cục TTDL
8	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Tháng 6 năm sau	Cục TTDL	
9	Lập bảng nguồn và sử dụng, bảng cân đối liên ngành phạm vi cả nước	Tháng 6 - 12 năm sau	Vụ TKQG	Các vụ thống kê chuyên ngành

2. Điều tra các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chuẩn bị thu thập thông tin			
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 2 - 8 năm trước	Cục TTDL	Vụ TKQG
2	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra (bao gồm quy định tổng hợp)	20 ngày làm việc sau khi Cục TTDL gửi phiếu điều tra	Vụ TKQG	Cục TTDL
II	Thu thập và xử lý			
1	Tiến hành thu thập thông tin	Từ ngày 01-30/7	CTK	Cục TTDL
2	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp tỉnh	Tháng 7 - 9	CTK	Cục TTDL
3	Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu cấp trung ương	Tháng 7 - 10	Cục TTDL	Vụ TKQG
4	Kiểm tra, làm sạch dữ liệu chuyên sâu	Tháng 10 - 12	Vụ TKQG	CTK, Cục TTDL
5	Tính quyền số suy rộng	Tháng 11 - 12	Cục TTDL	Vụ TKQG

6	Khóa chương trình, chốt số liệu phục vụ xây dựng báo cáo	Tháng 12	Cục TTDL	Vụ TKQG
7	Tổng hợp và công bố kết quả	Tháng 5 năm sau	Vụ TKQG	



Phụ lục III

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng Chế độ báo cáo thống kê	Theo Kế hoạch	Cục TTDL	Các Vụ, Cục Thống kê
2	Xây dựng và hướng dẫn sử dụng hệ thống công nghệ thông tin thu thập chế độ báo cáo thống kê	Theo Kế hoạch	Cục TTDL	Các Vụ
3	Thực hiện báo cáo thống kê ngành Thống kê		Cục Thống kê	
4	Thu thập báo cáo	Theo Kế hoạch	Các Vụ	Cục TTDL
4.1	Tiếp nhận báo cáo thống kê		Các Vụ	Cục TTDL
4.2	Kiểm tra tính đầy đủ, tính chính xác, tính logic của dữ liệu để yêu cầu các bộ, ngành và Cục Thống kê hoàn thiện		Các Vụ	Cục TTDL
5	Tổng hợp báo cáo		Các Vụ	Cục TTDL
6	Kiểm tra số liệu tổng hợp và báo cáo chi tiết		Các Vụ	Cục TTDL
7	Xác minh báo cáo		Các Vụ	Cục TTDL
8	Hoàn thiện báo cáo sau xác minh		Các Vụ	Cục TTDL
9	Biên soạn kết quả tổng hợp		Các Vụ	
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu		Cục TTDL	

Phụ lục IV

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG VIỆC SỬ DỤNG DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Xác định nhu cầu và chuẩn bị thu thập		
1	Đề xuất các chỉ tiêu thu thập từ nguồn dữ liệu hành chính và loại dữ liệu hành chính từ bộ, ngành	Các đơn vị có liên quan	
2	Xác định các chỉ tiêu sử dụng từ nguồn dữ liệu hành chính	Cục TTDL	
3	Xây dựng cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu hành chính (bao gồm chuẩn hóa biểu mẫu để thu thập dữ liệu)	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
II	Thu thập và xử lý		
1	Thực hiện việc chia sẻ, khai thác dữ liệu		
1.1	Tiếp nhận dữ liệu hành chính	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
1.2	Kiểm tra tính đầy đủ của dữ liệu hành chính từ bộ, ngành để yêu cầu hoàn thiện	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
1.3	Chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu hành chính sang dữ liệu theo mục đích thống kê	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
1.4	Làm sạch dữ liệu vi mô	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
2	Kết nối dữ liệu hành chính với các dữ liệu từ điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
3	Tổng hợp dữ liệu	Cục TTDL	Các đơn vị có liên quan
4	Kiểm tra tổng hợp dữ liệu	Các đơn vị có liên quan	Cục TTDL